

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HC-ST
Ngày 26/4/2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên;

Bà Hoàng Thanh Châm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2023/TLST-HC ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh L:* Bà Nguyễn Thuý L, cán bộ Phòng Q, Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh L

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T.

2. Ông Nguyễn Văn T2.

Cùng địa chỉ: Xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B trình bày: Thừa đất số 250, tờ bản đồ 75/01 bản đồ địa chính xã Đ là phần đất thổ cư của bố bà được ông nội là Nguyễn Thịnh M chia thừa kế cho từ năm 1953, khi đó các con ông Nguyễn

Thịnh M đều không có giấy tờ. Sau đó bố bà chia cho em trai bà là Nguyễn Việt H quản lý, sử dụng. Đầu năm 2003, em trai bà mất do tai nạn giao thông, hai cháu bà còn nhỏ dại, ông Nguyễn Văn D và các con đã lợi dụng để tranh đất của gia đình bà. Cháu bà là anh Nguyễn Việt H đã uỷ quyền cho bà đi đòi lại đất để được tiếp tục sử dụng. Phần đất của ông Nguyễn Văn D là thửa 237, diện tích 388m², một phần thửa 250 là 312m², tổng cộng là 603m², phần của bố bà là một phần thửa 250, diện tích 180m², thửa đất 251 diện tích 180m², thửa đất 259 diện tích 125m², tổng số gần 500m². Ngày 30/3/2009 bà có đơn gửi UBND xã Đ đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà với ông Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T đối với một phần thửa đất số 250, tờ bản đồ địa chính số 75 xã Đ, đo vẽ năm 2001. UBND xã Đ đã tổ chức hoà giải nhưng không thành. Ngày 03/12/2010 bà có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh nhưng UBND tỉnh không giải quyết. Đến tháng 01/2013 mới có quyết định giải quyết khiếu nại là vi phạm thời hạn quy định tại Điều 43 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004. Trong quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh L giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm tra, xác minh, Sở Tài nguyên và Môi trường lại giao cho Ban thanh tra sở đi thẩm tra, xác minh trong đó có anh Nguyễn Văn P là anh trai của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2. Vì vậy, việc anh Nguyễn Văn P đã chỉ đạo thanh tra viên thẩm tra, xác minh sai sự thật, không công tâm khách quan dẫn đến UBND tỉnh quyết định và giải quyết không vô tư, khách quan và đơn phương ban hành Quyết định số 17/QĐ ngày 07/01/2013 bác khiếu nại của bà. Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/QĐ ngày 07/01/2013 thì không giao cho bà mà đến tháng 7/2022 khi bà có đơn yêu cầu thì phòng tiếp công dân của UBND tỉnh mới giao cho bà Quyết định này. Quyết định này đã vi phạm trình tự, thủ tục theo Luật Khiếu nại về nội dung thì sai lệch hoàn toàn, do đó, ngày 20/12/2022 bà khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B.

Người bị kiện UBND tỉnh L trình bày: Kiểm tra hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai cho thấy : Ngày 30/3/2009 bà Nguyễn Thị B có đơn gửi UBND xã Đ đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà với ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T (cùng trú tại xã Đ, thành phố L) đối với một phần đất số 250, tờ Bản đồ địa chính số 75 xã Đ, đo vẽ năm 2001. Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã Đ đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Ngày 25/4/2010 bà Nguyễn Thị B có đơn gửi Chủ tịch UBND thành phố L và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố đề nghị xem xét giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà với ông T và ông T2. Ngày 16/11/2010 Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định số 2993/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B với hộ ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T, tại Điều 1 của Quyết định có nội dung: “Bác đơn của bà Nguyễn Thị B, trú tại xã Đ, thành phố L về việc đòi quyền sử dụng 100,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 250, tờ bản đồ số 75, bản đồ địa chính xã Đ đo vẽ năm 2001. Công nhận ông Nguyễn Văn T2 được sử dụng 17,9m² và ông Nguyễn Văn T được sử dụng 44,5m²; phần diện tích 38,0m² công nhận là đường đi chung của 02 gia đình....”.

Không đồng ý, ngày 03/12/2010 bà Nguyễn Thị B có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh L khiếu nại Quyết định số 2993/QĐ-UBND, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh đơn của bà B; ngày 21/6/2012 UBND tỉnh có Thông báo số 80/TBD-UBND thông báo kết quả kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 14/6/2012 về việc xem xét, giải quyết khiếu nại đề nghị của công dân, trong đó đánh giá Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc, đảm bảo khách quan, đúng trình tự, thủ tục, đã mời bà Nguyễn Thị B đến đối thoại để làm rõ nội dung vụ việc (03 lần) nhưng bà B không đến.... Ngày 01/01/2013 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B, trú tại xã Đ, thành phố L, quyết định: “Điều 1. Công nhận nội dung giải quyết của Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố L là đúng quy định của pháp luật. Bác đơn ghi ngày 03/12/2010 của bà Nguyễn Thị B”.

Ngày 15/12/2018 bà B có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND và bà cho rằng Quyết định số 17/QĐ-UBND là trái pháp luật, trái với Luật Khiếu nại sửa đổi, bổ sung năm 2004, đề nghị hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND để giải quyết lại theo quy định của Luật khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho Thanh tra tỉnh kiểm tra, đề xuất xử lý (tại Văn bản số 5144/VP-BTCD ngày 24/12/2018). Xét Báo cáo số 03/BC-TTr ngày 09/01/2019 của Thanh tra tỉnh, ngày 29/01/2019 Chủ tịch UBND tỉnh có Văn bản số 106/UBND-BTCD trả lời bà B, với nội dung: “Đến nay sau khi rà soát lại cho thấy, Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà B là đúng quy định của pháp luật. Điều 2 Quyết định đã hướng dẫn “ Nếu không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T có quyền khởi kiện theo quy định của Luật Tố Tụng hành chính”.

Ngày 08/02/2019; ngày 07/3/2019 và ngày 09/3/2019 bà Nguyễn Thị B tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND. Ngày 20/3/2019, UBND tỉnh có Văn bản số 1029/VP-BTCD giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố L và các cơ quan có liên quan tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị B; trường hợp bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới thì tham mưu cho UBND tỉnh ban hành thông báo chấm dứt giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B đối với Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường có Giấy mời số 162/GM-STNMT tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị B, tuy nhiên bà Nguyễn Thị B không đến đối thoại theo Giấy mời.

Ngày 22/4/2019 bà Nguyễn Thị B có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh L rút lại việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì việc đối thoại và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phải trực tiếp chủ trì cuộc đối thoại để làm rõ nội dung, yêu cầu của bà; thì bà sẽ tham gia đối thoại nếu UBND tỉnh thực hiện đúng quy định của Luật khiếu nại...

Ngày 29/5/2019, bà Nguyễn Thị B tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung: Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 17/QĐ-UBND; không thừa nhận kết quả xác minh của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường do không vô tư, khách quan, phiến diện. Bà yêu cầu được xem xét giải quyết một cách nghiêm túc, nếu không sẽ tiếp tục khiếu nại lên Tổng Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đòi quyền lợi cho gia đình bà.

Ngày 03/6/2019 bà B tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung cho rằng. Việc UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu giải quyết khiếu nại của bà, không giao trực tiếp cho Thanh tra tỉnh tham mưu xử lý là trái quy định tại Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo; nếu UBND tỉnh đối thoại với bà thì cần thu hồi lại Quyết định 17/QĐ-UBND, giao Thanh tra tỉnh giải quyết lại đơn ngày 03/12/2010 của bà từ đầu, thẩm tra xác minh lại sau đó mời tổ chức đối thoại. Ngày 28/6/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 340/BC-STNMT báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao (tại Văn bản số 1029/VP-BTCD ngày 20/3/2019 và Văn bản số 1670/VP-BTCD ngày 02/5/2019), đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chuyển vụ việc của bà Nguyễn Thị B cho Tổ công tác được thành lập theo Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục rà soát, giải quyết theo quy định. Thực hiện kế hoạch số 363/KH – TTCP của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp kéo dài; Kế hoạch số 45/KH-TCT ngày 12/4/2019 của Tổ công tác được thành lập tại Quyết định số 656/QĐ –UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh (sau đây viết tắt là Tổ công tác 656); ngày 18/9/2019 Tổ công tác đã tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị B. Tại buổi đối thoại, bà B không nhất trí với kết luận của người chủ trì đối thoại vì bà cho rằng Quyết định số 17/QĐ-UBND được ban hành trái pháp luật và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND đề nghị giải quyết lại, nếu không thu hồi lại thì bà sẽ có đơn gửi Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng chính phủ để xem xét lại. Ngày 27/9/2019 Tổ công tác có Báo cáo số 117/BC-TCT báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả đối thoại. Ngày 03/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh L đã ban hành Thông báo số 581/TB-UBND về việc chấm dứt thụ lý giải quyết vụ việc của bà Nguyễn Thị B.

Không đồng ý, bà Nguyễn Thị B đến Trụ sở Tiếp công dân Trung ương tại Hà Nội trình bày nội dung khiếu nại đối với Quyết định số 17/QĐ-UBND; ngày 28/6/2022, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương có Văn bản số 949/TSTCDTW-ITCP hướng dẫn bà Nguyễn Thị B, với nội dung “Nếu bà cung cấp được các chứng cứ, tình tiết mới chứng minh được nội dung khiếu nại, đề nghị bà gửi đơn hoặc liên hệ tới UBND tỉnh L để được chỉ đạo kiểm tra, rà soát, trả lời theo quy định”. Ngày 17/7/2022 bà B tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND, trên cơ sở kết quả rà soát của Thanh tra tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1285/UBND-BTCD ngày 26/10/2022 về việc giải thích đơn của bà Nguyễn Thị B.

Qua kiểm tra, rà soát lại vụ việc UBND tỉnh thấy rằng: Về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị B với ông T2, ông T; đã được thực hiện theo đúng Mục 2, Chương VI Luật Đất đai năm 2003 và Chương XII Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ quy định tại Điều 161 Nghị quyết số 181/2004/NĐ-CP. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai: Điều 136 Luật Đất đai năm 2003.

Như vậy, vụ việc tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ tại thời điểm giải quyết. Đến nay, qua rà soát cho thấy Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố và Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND, ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh L; yêu cầu UBND tỉnh L giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011 là không có cơ sở.

Về nội dung cho rằng các cơ quan chức năng không giao quyết định giải quyết khiếu nại cho bà theo quy định.

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu cho thấy: Ngày 25/11/2010 đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường đã giao Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố L cho bà Nguyễn Thị B, bà đã nhận Quyết định số 2993/QĐ-UBND và ký tên tại Biên bản giao nhận.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 2 của Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh; ngày 21/01/2013 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Giấy mời số 38/GM-TN&MT mời bà Nguyễn Thị B đến phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 23/01/2013 để nhận Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh; tuy nhiên, bà Nguyễn Thị B không nhận Giấy mời số 38/GM-TN&MT ngày 21/01/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và không đến làm việc theo thời gian được nêu tại Giấy mời số 38/GM-TN&MT. Tại Biên bản sự việc ngày 23/01/2013 thể hiện: “Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND xã H đưa Giấy mời nhưng bà B không nhận Giấy mời, cũng không tham dự việc giao nhận Quyết định số 17/QĐ-UBND; Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND xã Đ niêm yết công khai Quyết định số 17/QĐ tại trụ sở UBND xã theo quy định”. Kết quả kiểm tra các đơn của bà B gửi Chủ tịch UBND tỉnh L, cho thấy: Các ngày 15/12/2018, 03/3/2019, 08/3/2019, 09/3/2019, 21/4/2019, 22/4/2019, 17/7/2019 bà Nguyễn Thị B đã có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh L. Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013, cơ quan chức năng đã thực hiện thủ tục gửi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 cho bà B, tuy nhiên bà B không phối hợp, đồng thời bà B đã có nhiều đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-

UBND ngày 07/01/2013. Như vậy, bà Nguyễn Thị B đã biết nội dung của Quyết định số 17/QĐ-UBND và thực hiện quyền khiếu nại đối với Quyết định số 17/QĐ-UBND, do đó, việc bà Nguyễn Thị B cho rằng các cơ quan chức năng không giao quyết định giải quyết khiếu nại cho bà theo quy định là không có cơ sở.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải đều thừa nhận đã được nhận Quyết định số 17/QĐ- UBND ngày 07/01/2013, có lập biên bản và ký nhận, còn bà Nguyễn Thị B không nhận và không ký biên bản, nay các ông không có ý kiến gì và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt các ông trong tất cả các phiên toà cho đến khi kết thúc vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng không tiến hành đối thoại được do vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, người khởi kiện đề nghị Tòa không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh L đưa vụ án ra xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là bà Nguyễn Thuỳ Linh trình bày: Ủy ban nhân dân tỉnh L vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày và các tài liệu, chứng cứ đã nộp cho Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết vụ án, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Thực hiện cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa; các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng Hành chính xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh L được ban hành đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Việc bà B cho rằng, khi giải quyết khiếu nại, người giải quyết chưa yêu cầu bà cung cấp thông tin, tài liệu và những bằng chứng về nội dung khiếu nại, việc bà B cho rằng Quyết định số 17/QĐ-UBND được ban hành năm 2013 nhưng không gửi

cho bà, đối với nội này, sau khi có Quyết định số 17/QĐ-UBND, được sự ủy quyền của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L đã có Giấy mời mời bà B đến nhận nhưng bà B không đến, tuy nhiên sau đó bà B cũng đã biết về nội dung Quyết định số 17/QĐ-UBND và ngày 15/12/2018 bà B đã có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh L nên quyền lợi của bà B không bị ảnh hưởng. Chủ tịch UBND thành phố L ban hành Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 bác đơn của bà B về việc đòi quyền sử dụng 100,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 250 và Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà B là có căn cứ. Đối với nội dung khởi kiện của bà B đến nay đã hết thời hiệu, cụ thể: Quyết định số 17/QĐ-UBND ban hành ngày 07/01/2013, ngày 15/12/2018 bà B có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND để giải quyết lại, ngày 29/01/2019 Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 106/UBND-BTCD trả lời bà B Quyết định số 17/QĐ-UBND ban hành đúng quy định của pháp luật, nếu không đồng ý bà B có quyền khởi kiện vụ án hành chính. Ngày **03/10/2019** Chủ tịch UBND tỉnh có Thông báo số 581/TB - UBND về việc chấm dứt thụ lý giải quyết vụ việc của bà B, bà đã được nhận Thông báo 851. Như vậy, sau khi biết được nội dung Quyết định số 17/QĐ-UBND, bà B không khởi kiện ra Tòa án mà tiếp tục có đơn khiếu nại và ngày 03/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh có Thông báo số 581/TB - UBND về việc chấm dứt thụ lý giải quyết vụ việc của bà B nhưng bà B cũng không khởi kiện vụ án hành chính. Từ những nội dung nêu trên thấy, UBND tỉnh L đã có Thông báo chấm dứt việc giải quyết đơn khiếu nại của bà B nhưng sau đó bà B không khởi kiện vụ án hành chính mà đến ngày 20/12/2022 bà B mới có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn là quá thời hạn khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật TTHC nên thời hiệu khởi kiện của vụ án đã hết.

Đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 LTTHC, đình chỉ giải quyết vụ án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Ông Hồ Tiến Thiệu là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt trong tất cả các phiên tòa cho đến khi kết thúc vụ án. Các đương sự có mặt tại phiên tòa nhất trí xét xử vắng mặt đối với những người này. Căn cứ vào Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh L về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B là Quyết định trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai. Do đó là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Bà Nguyễn Thị B cho rằng tháng 7/2022 bà mới được nhận Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh do đó, ngày 20/12/2022 bà mới có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định này. Tuy nhiên, các ngày 15/12/2018, 03/3/2019, 08/3/2019, 09/3/2019, 21/4/2019, 22/4/2019, 17/7/2019 bà Nguyễn Thị B đã có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh L đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Như vậy, bà Nguyễn Thị B đã biết nội dung của Quyết định số 17/QĐ-UBND và thực hiện quyền khiếu nại đối với Quyết định này. Hơn nữa, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B thừa nhận đã nhiều lần được nhận Giấy mời đến đối thoại với Sở Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra tỉnh L, nhưng cho rằng không phải là Chủ tịch UBND tỉnh nên bà không đồng ý đối thoại. Như vậy, không có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho bà Nguyễn Thị B không khởi kiện được trong thời hạn quy định. Mặt khác bà cũng thừa nhận đã được nhận Thông báo số 581/TB-UBND ngày 03/10/2019, của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc chấm dứt thụ lý giải quyết vụ việc của bà Nguyễn Thị B. Việc bà Nguyễn Thị B cho rằng đến tháng 7/2022 mới biết Quyết định này để khởi kiện là không có cơ sở. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B đã hết thời hiệu khởi kiện.

[5] Về trình tự thủ tục ban hành: UBND tỉnh L ban hành quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B là đúng trình tự, thủ tục quy định Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003, Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011.

[6] Về nội dung: Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND tỉnh L công nhận nội dung giải quyết của Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố L giải quyết bác đơn bà Nguyễn Thị B và công nhận quyền sử dụng diện tích 100,4m² đất thuộc một phần của thửa đất số 250, tờ bản đồ số 75 xã Đ, thành phố L cho anh em ông Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh đơn của bà Nguyễn Thị B; ngày 21/6/2012 UBND tỉnh có Thông báo số 80/TBD-UBND thông báo kết quả kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 14/6/2012 về việc xem xét, giải quyết

khieu nại đề nghị của công dân, trong đó đánh giá Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc, đảm bảo khách quan, đúng trình tự, thủ tục, đã mời bà Nguyễn Thị B đến đối thoại để làm rõ nội dung vụ việc (03 lần) nhưng bà không đến. Ngày 01/01/2013 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị B. Các ngày 15/12/2018, 03/3/2019, 08/3/2019, 09/3/2019, 21/4/2019, 22/4/2019, 17/7/2019 bà Nguyễn Thị B liên tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xem xét lại trình tự, thủ tục giải quyết đơn và Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 28/6/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 340/BC-STNMT báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao (tại Văn bản số 1029/VP-BTCD ngày 20/3/2019 và Văn bản số 1670/VP-BTCD ngày 02/5/2019), đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chuyển vụ việc của bà Nguyễn Thị B cho Tổ công tác được thành lập theo Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục rà soát, giải quyết theo quy định. Thực hiện kế hoạch số 363/KH – TTCP của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp kéo dài; Kế hoạch số 45/KH-TCT ngày 12/4/2019 của Tổ công tác được thành lập tại Quyết định số 656/QĐ –UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh (sau đây viết tắt là Tổ công tác 656); ngày 18/9/2019 Tổ công tác đã tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị B. Tại buổi đối thoại, bà Nguyễn Thị B không nhất trí với kết luận của người chủ trì đối thoại vì bà cho rằng Quyết định số 17/QĐ-UBND được ban hành trái pháp luật và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND để giải quyết lại, nếu không thu hồi lại thì bà sẽ có đơn gửi Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng chính phủ để xem xét lại. Ngày 27/9/2019 Tổ công tác có Báo cáo số 117/BC-TCT báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả đối thoại. Ngày 03/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh có Thông báo số 581/TB-UBND về việc chấm dứt thụ lý giải quyết vụ việc của bà Nguyễn Thị B. Về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà B với ông T, ông T2; đã được thực hiện theo đúng Mục 2, Chương VI Luật Đất đai năm 2003 và Chương XII Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai năm 2003. Như vậy, vụ việc tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ tại thời điểm giải quyết. Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố và Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND, ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh L; yêu cầu UBND tỉnh L giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011 là không có cơ sở.

[7] Về nội dung cho rằng các cơ quan chức năng không giao quyết định giải quyết khiếu nại cho bà theo quy định: Ngày 25/11/2010 đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường đã giao Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố L cho bà Nguyễn Thị B, bà đã nhận Quyết định số 2993/QĐ-UBND và ký tên tại Biên bản giao quyết định. Ngày 21/01/2013

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Giấy mời số 38/GM-TN&MT mời bà đến phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 23/01/2013 để nhận Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh; tuy nhiên, bà B không nhận Giấy mời số 38/GM-TN&MT ngày 21/01/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và không đến làm việc theo thời gian được nêu tại Giấy mời số 38/GM-TN&MT. Tại Biên bản sự việc ngày 23/01/2013 thể hiện: “Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND xã Đ đưa Giấy mời nhưng bà B không nhận, cũng không tham dự việc giao nhận Quyết định số 17/QĐ-UBND; Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND xã Đ niêm yết công khai Quyết định số 17/QĐ tại trụ sở UBND xã theo quy định. Kết quả kiểm tra các đơn của bà Nguyễn Thị B gửi Chủ tịch UBND tỉnh, cho thấy: Các ngày 15/12/2018, 03/3/2019, 08/3/2019, 09/3/2019, 21/4/2019, 22/4/2019, 17/7/2019 bà đã có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Như vậy, sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013, cơ quan chức năng đã thực hiện thủ tục gửi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 cho bà Nguyễn Thị B, tuy nhiên bà không phối hợp, đồng thời bà đã có nhiều đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh L đề nghị xem xét lại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013. Tại phiên tòa bà thừa nhận đã biết nội dung quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 do ông Hà cán bộ địa chính xã Đ thông báo và cuối năm 2017 được biết thông qua bà Thủy cán bộ Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường L. Như vậy, có căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị B đã biết nội dung của Quyết định số 17/QĐ-UBND, nhưng không thực hiện quyền khởi kiện đối với Quyết định số 17/QĐ-UBND), do đó, việc bà Nguyễn Thị B cho rằng các cơ quan chức năng không giao quyết định giải quyết khiếu nại cho bà theo quy định là không có cơ sở.

[8] Về yêu cầu UBND tỉnh L giải quyết lại vụ việc theo đúng quy định của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011 thấy rằng: Theo điểm b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 29 Luật Khiếu nại, tố cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị người bị khiếu nại là Chủ tịch UBND thành phố L chỉ đạo cơ quan chuyên môn cung cấp hồ sơ tài liệu vụ việc, có giấy mời gửi bà Nguyễn Thị B đến làm việc tại phòng tiếp công dân nhưng bà Nguyễn Thị B không đến, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 24/TTr ngày 26/4/2012 của UBND xã Đ nhờ trao giấy mời đến tận tay bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị B đã ký nhận giấy mời tại biên bản ngày 02/5/2012. Như vậy, Sở Tài nguyên và môi trường đã có yêu cầu bà Nguyễn Thị B cung cấp tài liệu để làm rõ nội dung đơn của bà theo quy định. Việc bà Nguyễn Thị B cho rằng Quyết định số 17/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh L vi phạm Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về đối thoại thực tế do bà Nguyễn Thị B từ chối đến làm việc với cơ quan chuyên môn nhiều lần, qua kiểm tra hồ sơ thấy có đủ căn cứ để giải quyết, do đó cơ quan chuyên môn là Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đưa ra Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại của tỉnh họp giải quyết theo quy định. Ngày 21/01/2013 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L đã có giấy mời số 38/GM-TM&MT giao UBND xã Đ giao tận nhà

nhưng bà Nguyễn Thị B không nhận giấy mời và cũng không tham dự việc giao nhận Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND xã Đ niêm yết công khai Quyết định số 17/QĐ tại trụ sở UBND xã là đúng quy định.

[9] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B đưa ra.

[10] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện đưa ra không được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng tuy nhiên bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên không phải chi án phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP;
- Phòng KTNV-THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Liên

Hoàng Thanh Châm

Cao Đức Chiến

